

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỐ
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/KDTM-ST
Ngày: 29-8-2023
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỐ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Hòa
- Bà Huỳnh Thị Thùy Trâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Văn Dương, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Mỹ Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2023/TLST-KDTM ngày 24 tháng 3 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 571/2023/QĐXXST-KDTM ngày 23 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S; địa chỉ: 77 T, Quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Quang H, là Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Quốc B, là Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần S, chi nhánh Quảng Ngãi (theo Văn bản ủy quyền số 07/2022/VBUQ-SHB ngày 10/01/2022); địa chỉ: 252-254-256 H, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

Ông Hồ Quốc B ủy quyền lại cho ông Võ Ngọc Q - Phó trưởng phòng khách hàng doanh nghiệp và ông Nguyễn Minh T - Nhân viên khách hàng doanh nghiệp, Ngân hàng thương mại cổ phần S, chi nhánh Quảng Ngãi (theo Văn bản ủy quyền số 480/UQ-SHB ngày 02/11/2022). Có mặt.

2. *Bị đơn*: Công ty Cổ phần đầu tư phát triển T (tên cũ: Công ty TNHH đầu tư xây dựng sản xuất và thương mại T); địa chỉ: 75 T, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Anh T, là Giám đốc Công ty Cổ phần đầu tư phát triển T. Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Phạm Thanh M, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1969; cùng địa chỉ: Tổ X, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/11/2022, các văn bản trình bày khác trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S trình bày:*

Công ty TNHH đầu tư xây dựng sản xuất và thương mại T (nay là Công ty Cổ phần đầu tư phát triển T) có vay vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần S, cụ thể như sau:

- Ngày 27/11/2017 Công ty Cổ phần đầu tư phát triển T và Ngân hàng thương mại cổ phần S, chi nhánh Quảng Ngãi ký hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 61/2017/HĐTDTDH-PN/SHB.120800, vay số tiền 1.330.000.000đồng; Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty Cổ phần đầu tư phát triển T nhận đủ số tiền vay nêu trên theo khế ước nhận nợ số 01-61/2017/HĐTDTDH-PN/SHB.120800 ngày 27/11/2017; mục đích vay vốn là để thanh toán tiền mua 02 xe ô tô tải tự đổ nhãn hiệu Shacman, sản xuất năm 2015 theo hợp đồng mua bán số 169/HĐMB/TP-2017 ký giữa Công ty TNHH T và Công ty TNHH đầu tư xây dựng sản xuất và thương mại T ngày 14/11/2017; thời hạn vay là 72 tháng tính từ ngày 28/11/2017 đến ngày 27/11/2023; lãi suất cho vay trong 03 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân là 10,7%/năm, từ tháng 4 trở đi, lãi suất vay được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần, mức lãi suất áp dụng tại mỗi kỳ điều chỉnh bằng lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm tiền VNĐ kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau cao nhất của Ngân hàng thương mại cổ phần S tại thời điểm điều chỉnh cộng với biên độ 3,5%/năm; lãi suất áp dụng đối với nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; lịch trả nợ: Gốc trả 02 tháng/lần, 35 kỳ đầu trả 37.000.000đồng/kỳ, kỳ cuối trả 35.000.000đồng; lãi trả ngày 20 hằng tháng; tài sản bảo đảm cho khoản vay là 02 xe ô tô tải tự đổ, gồm: 01 xe ô tô nhãn hiệu Shacman, số khung HM41FX019334, số máy 21615E034462, xuất xứ Trung Quốc, biển kiểm soát 76C-105.77 và 01 xe ô tô nhãn hiệu Shacman, số khung HM46FX018678, số máy 21615E034460, xuất xứ Trung Quốc, biển kiểm soát 76C-105.20 (theo hợp đồng thế chấp tài sản số 69/2017/HĐTC-PN/SHB.120800 ngày 27/11/2017 giữa Công ty Cổ phần đầu tư phát triển T và Ngân hàng thương mại cổ phần S, chi nhánh Quảng Ngãi).

- Ngày 31/01/2019 Công ty Cổ phần đầu tư phát triển T và Ngân hàng thương mại cổ phần S, chi nhánh Quảng Ngãi ký hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 11/2019/HĐTDTDH-PN/SHB.120800, vay số tiền 1.050.000.000đồng; Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty Cổ phần đầu tư phát triển T nhận đủ số tiền vay nêu trên theo khế ước nhận nợ số 01-11/2019/HĐTDTDH-PN/SHB.120800 ngày 01/02/2019; mục đích vay vốn là để thanh toán tiền mua 02 xe ô tô tải tự đổ nhãn hiệu Shacman, sản xuất năm 2015 theo hợp đồng mua bán số 90/HĐMB/TP-2018 ký giữa Công ty TNHH Thiên Phú và Công ty TNHH đầu tư xây dựng sản xuất và thương mại T ngày 18/12/2019; thời hạn vay là 60 tháng tính từ ngày 01/12/2019 đến ngày 01/02/2024; lãi suất cho vay trong 03 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân là 10,4%/năm, lãi suất vay được điều chỉnh sau 03 tháng từ ngày giải ngân đầu tiên, các lần tiếp theo được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần theo lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm tiền VNĐ kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau cao nhất của Ngân hàng thương mại cổ phần S tại thời điểm điều chỉnh cộng với biên độ 3,3%/năm; lãi suất áp dụng đối với nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; lịch trả nợ: Gốc trả 03 tháng/lần, 19 kỳ đầu trả 52.000.000đồng/kỳ, kỳ cuối trả 62.000.000đồng; lãi trả ngày 20 hằng tháng; tài sản bảo đảm cho khoản vay là 02 xe ô tô tải tự đổ, gồm: 01 xe ô tô nhãn hiệu Shacman, số khung HM49FX015371, số máy 21615C023596, xuất xứ Trung Quốc, biển kiểm soát 76C-110.88 và 01 xe ô tô nhãn hiệu Shacman, số khung HM46FX036727, số máy 21615S057318, xuất xứ Trung Quốc, biển kiểm soát 76C-109.54 (theo hợp đồng thế chấp tài sản số 11/2019/HĐTC-PN/SHB.120800 ngày 31/01/2019 giữa Công ty Cổ phần đầu tư phát triển T và Ngân hàng thương mại cổ phần S, chi nhánh Quảng Ngãi).

- Ngày 04/6/2020 Công ty Cổ phần đầu tư phát triển T và Ngân hàng thương mại cổ phần S, chi nhánh Quảng Ngãi ký hợp đồng hạn mức tín dụng số 14/2020/HDHM-PN/SHB.120800, vay số tiền 1.228.000.000đồng; Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty Cổ phần đầu tư phát triển T nhận số tiền vay 832.000.000đồng theo khế ước nhận nợ số 04-14/2020/HDHM-PN/SHB.120800 ngày 11/12/2020; mục đích vay vốn là để thanh toán tiền mua sắt và xi măng; thời hạn vay là 06 tháng tính từ ngày 11/12/2020 đến ngày 11/6/2021; lãi suất cho vay trong 03 tháng đầu tiên kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân là 8,1%/năm, lãi suất vay được điều chỉnh sau 03 tháng từ ngày giải ngân đầu tiên, các lần tiếp theo được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần theo lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm loại tiền VNĐ kỳ hạn 06 tháng của Ngân hàng thương mại cổ phần S có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh cộng với biên độ cho vay là 2,9%/năm; lãi suất áp dụng đối với nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; lịch trả nợ: Gốc trả cuối kỳ, lãi trả ngày 25 hằng tháng; tài sản bảo đảm cho khoản vay là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 39, tờ bản đồ 26, diện tích 197.2m², tại xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ175781 (Số vào sổ cấp GCN: CS13486) do

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 01/04/2019 cho ông Phạm Thanh M (theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 68/2019/HĐTC-BTB/SHB.120800 ngày 17/07/2019 giữa ông Phạm Thanh M, bà Nguyễn Thị Bích H và Ngân hàng thương mại cổ phần S, chi nhánh Quảng Ngãi).

Trong quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng nêu trên, Công ty Cổ phần đầu tư phát triển T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng thương mại cổ phần S, chi nhánh Quảng Ngãi đã nhiều lần gửi thông báo nợ quá hạn, lập biên bản làm việc,... yêu cầu Công ty Cổ phần đầu tư phát triển T trả nợ nhưng Công ty Cổ phần đầu tư phát triển T vẫn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng thương mại cổ phần S theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó, Ngân hàng thương mại cổ phần S yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc Công ty Cổ phần đầu tư phát triển T trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội số tiền nợ tạm tính đến ngày 02/11/2022 là 2.091.820.009 đồng, trong đó: Nợ gốc là 1.735.189.160 đồng; lãi vay: 356.630.849 đồng.

2. Buộc Công ty Cổ phần đầu tư phát triển T phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền lãi, phí, lãi quá hạn phát sinh theo lãi suất quá hạn quy định tại các Hợp đồng tín dụng đã ký giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S, chi nhánh Quảng Ngãi và Công ty Cổ phần đầu tư phát triển T kể từ ngày 03/11/2022 cho đến khi Công ty Cổ phần đầu tư phát triển T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo các hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 61/2017/HĐTDTDH-PN/SHB.120800 ngày 27/11/2017; hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 11/2019/HĐTDTDH-PN/SHB.120800 ngày 31/01/2019 và hợp đồng hạn mức tín dụng số 14/2020/HDHM-PN/SHB.120800 ngày 04/06/2020.

3. Trường hợp Công ty Cổ phần đầu tư phát triển T không trả được nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần S yêu cầu phát mại 05 tài sản bảo đảm thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần đầu tư phát triển T, ông Phạm Thanh M và bà Nguyễn Thị Bích H để thu hồi nợ, cụ thể:

+ Tài sản 01: 01 xe ô tô nhãn hiệu Shacman, số khung HM41FX019334, số máy 21615E034462, xuất xứ Trung Quốc, biển kiểm soát 76C-105.77 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 015843 do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 21/11/2017.

+ Tài sản 02: 01 xe ô tô nhãn hiệu Shacman, số khung HM46FX018678, số máy 21615E034460, xuất xứ Trung Quốc, biển kiểm soát 76C-105.20 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 0158844 do Phòng cảnh sát Giao thông Công an tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 21/11/2017.

+ Tài sản 03: 01 xe ô tô nhãn hiệu Shacman, số khung HM49FX015371, số máy 21615C023596, xuất xứ Trung Quốc, biển kiểm soát 76C-110.88 theo

Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 018816 do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 21/12/2018.

+ Tài sản 04: 01 xe ô tô nhãn hiệu Shacman, số khung HM46FX036727, số máy 21615S057318, xuất xứ Trung Quốc, biển kiểm soát 76C-109.54 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 018897 do Phòng cảnh sát Giao thông Công an tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 21/12/2018.

+ Tài sản 05: Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 39, tờ bản đồ 26, diện tích 197.2m², tại xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ175781 (Số vào sổ cấp GCN: CS13486) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 01/04/2019 cho ông Phạm Thanh M.

4. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Công ty Cổ phần đầu tư phát triển T. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ của Công ty Cổ phần đầu tư phát triển T thì Công ty Cổ phần đầu tư phát triển T vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần S.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/5/2023, ông Nguyễn Anh T là người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty Cổ phần đầu tư phát triển T trình bày:*

Công ty Cổ phần đầu tư phát triển T có vay tiền của Ngân hàng thương mại cổ phần S, chi nhánh Quảng Ngãi theo các Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 61/2017/HĐTDTDH-PN/SHB.120800 ngày 27/11/2017, vay số tiền 1.330.000.000đồng;

- Hợp đồng tín dụng số 11/2019/HĐTDTDH-PN/SHB.120800 ngày 31/01/2019, vay số tiền 1.050.000.000đồng;

- Hợp đồng tín dụng số 14/2020/HDHM-PN/SHB.120800 ngày 04/06/2020, vay số tiền 1.228.000.000đồng.

Ngân hàng thương mại cổ phần S, chi nhánh Quảng Ngãi đã giải ngân cho Công ty Cổ phần đầu tư phát triển T nhận đủ số tiền vay nêu trên và Công ty Cổ phần đầu tư phát triển T đã ký giấy nhận nợ. Khi vay tiền thì Công ty Cổ phần đầu tư phát triển T có thể chấp cho Ngân hàng thương mại cổ phần S các tài sản, gồm:

- 01 xe ô tô nhãn hiệu Shacman, số khung HM41FX019334, số máy 21615E034462, xuất xứ Trung Quốc, biển kiểm soát 76C-105.77.

- 01 xe ô tô nhãn hiệu Shacman, số khung HM46FX018678, số máy 21615E034460, xuất xứ Trung Quốc, biển kiểm soát 76C-105.20.

- 01 xe ô tô nhãn hiệu Shacman, số khung HM49FX015371, số máy

21615C023596, xuất xứ Trung Quốc, biển kiểm soát 76C-110.88.

- 01 xe ô tô nhãn hiệu Shacman, số khung HM46FX036727, số máy 21615S057318, xuất xứ Trung Quốc, biển kiểm soát 76C-109.54.

Ngoài ra, để bảo đảm cho khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần S thì ông Phạm Thanh M và bà Nguyễn Thị Bích H còn thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 39, tờ bản đồ 26, diện tích 197.2m², tại xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, để đảm bảo cho các khoản vay nêu trên của Công ty Cổ phần đầu tư phát triển T.

Hiện nay Công ty Cổ phần đầu tư phát triển T đang quản lý, sử dụng 03 xe ô tô đã thế chấp, gồm: Xe ô tô biển kiểm soát 76C-105.20; xe ô tô biển kiểm soát 76C-110.88 và xe ô tô biển kiểm soát 76C-109.54. Hiện nay 03 xe ô tô trên hiện vẫn giữ nguyên như tại thời điểm thế chấp. Đối với xe ô tô nhãn hiệu Shacman, biển kiểm soát 76C-105.77 thì Ngân hàng thương mại cổ phần S và Công ty Cổ phần đầu tư phát triển T đã thỏa thuận xử lý xong, Công ty Cổ phần đầu tư phát triển T đã nộp tiền cho Ngân hàng thương mại cổ phần S nhưng Giấy đăng ký xe vẫn còn ở Ngân hàng thương mại cổ phần S nên Ngân hàng thương mại cổ phần S vẫn còn để trong đơn khởi kiện.

Nay Công ty Cổ phần đầu tư phát triển T đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S. Tuy nhiên, đối với xe ô tô nhãn hiệu Shacman, biển kiểm soát 76C-105.77 thì Ngân hàng thương mại cổ phần S và Công ty đã thỏa xử lý xong và Công ty Cổ phần đầu tư phát triển T đã nộp tiền cho Ngân hàng nên không còn để xử lý. Hiện nay Công ty Cổ phần đầu tư phát triển T đang sắp xếp nguồn tiền để trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần S nên yêu cầu Tòa án và Ngân hàng thương mại cổ phần S tạo điều kiện để Công ty Cổ phần đầu tư phát triển T có thời gian trả nợ.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Thanh M và bà Nguyễn Thị Bích H, nhưng ông M và bà H không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không đến Tòa án làm việc, tham gia phiên họp theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án; không tham gia phiên tòa.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 72 và 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Buộc Công ty Cổ phần đầu tư phát triển T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/8/2023) là 2.395.954.203 đồng, trong đó:

- Nợ gốc là 1.735.189.160 đồng
- Nợ lãi là 660.765.043 đồng.

Công ty Cổ phần đầu tư phát triển T phải tiếp tục chịu lãi phát sinh cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 61/2017/HĐTDTDH-PN/SHB.120800 ngày 27/11/2017, hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 11/2019/HĐTDTDH-PN/SHB.120800 ngày 31/01/2019 và hợp đồng hạn mức tín dụng số 14/2020/HDHM-PN/SHB.120800 ngày 04/6/2020.

Trường hợp Công ty Cổ phần đầu tư phát triển T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 61/2017/HĐTDTDH-PN/SHB.120800 ngày 27/11/2017; hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 11/2019/HĐTDTDH-PN/SHB.120800 ngày 31/01/2019 và hợp đồng hạn mức tín dụng số 14/2020/HDHM-PN/SHB.120800 ngày 04/6/2020 thì Ngân hàng thương mại cổ phần S có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần S, gồm: 01 xe ô tô nhãn hiệu Shacman, số khung HM41FX019334, số máy 21615E034462, xuất xứ Trung Quốc, biển kiểm soát 76C-105.77 và 01 xe ô tô nhãn hiệu Shacman, số khung HM46FX018678, số máy 21615E034460, xuất xứ Trung Quốc, biển kiểm soát 76C-105.20 (theo hợp đồng thế chấp tài sản số 69/2017/HĐTC-PN/SHB.120800 ngày 27/11/2017 giữa Công ty T và Ngân hàng thương mại cổ phần S, chi nhánh Quảng Ngãi); 01 xe ô tô nhãn hiệu Shacman, số khung HM49FX015371, số máy 21615C023596, xuất xứ Trung Quốc, biển kiểm soát 76C-110.88 và 01 xe ô tô nhãn hiệu Shacman, số khung HM46FX036727, số máy 21615S057318, xuất xứ Trung Quốc, biển kiểm soát 76C-109.54 (theo hợp đồng thế chấp tài sản số 11/2019/HĐTC-PN/SHB.120800 ngày 31/01/2019 giữa Công ty T và Ngân hàng thương mại cổ phần S, chi nhánh Quảng Ngãi).

Trường hợp Công ty Cổ phần đầu tư phát triển T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 14/2020/HDHM-PN/SHB.120800 ngày 04/6/2020 thì Ngân hàng thương mại cổ phần S có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần S, gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, thuộc thửa đất số 39, tờ bản đồ 26, tại xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ175781 (Số vào sổ cấp GCN: CS13486) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 01/04/2019 cho ông Phạm Thanh M (theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 68/2019/HĐTC-BTB/SHB.120800 ngày

17/07/2019 giữa ông Phạm Thanh M, bà Nguyễn Thị Bích H và Ngân hàng thương mại cổ phần S, chi nhánh Quảng Ngãi).

Các đương sự phải chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng thương mại cổ phần S khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần đầu tư phát triển T thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ theo các hợp đồng tín dụng. Đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về xác định bị đơn trong vụ án: Mặc dù các hợp đồng tín dụng và các hợp đồng thế chấp tài sản được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S và Công ty TNHH đầu tư xây dựng sản xuất và thương mại T. Tuy nhiên, theo các tài liệu do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cung cấp thể hiện: Năm 2021 Công ty TNHH đầu tư xây dựng sản xuất và thương mại T chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty Cổ phần đầu tư phát triển T, kế thừa toàn bộ quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ của Công ty TNHH đầu tư xây dựng sản xuất và thương mại T. Do đó, bị đơn trong vụ án này là Công ty Cổ phần đầu tư phát triển T.

[1.3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S và Công ty Cổ phần đầu tư phát triển T không có thỏa thuận lựa chọn Tòa án giải quyết tranh chấp; bị đơn Công ty Cổ phần đầu tư phát triển T có trụ sở tại phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.4] Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định: Công ty TNHH đầu tư xây dựng sản xuất và thương mại T, nay là Công ty Cổ phần đầu tư phát triển T (sau đây gọi tắt là Công ty T) có vay của Ngân hàng thương mại cổ phần S, chi nhánh Quảng Ngãi số tiền cụ thể như sau:

- Ngày 27/11/2017 vay 1.330.000.000đồng (theo hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 61/2017/HĐTDTDH-PN/SHB.120800 ngày 27/11/2017); Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty T nhận đủ số tiền vay 1.330.000.000đồng theo khế ước nhận nợ số 01-61/2017/HĐTDTDH-PN/SHB.120800 ngày 27/11/2017;

- Ngày 31/01/2019 vay 1.050.000.000đồng (theo hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 11/2019/HĐTDTDH-PN/SHB.120800 ngày 31/01/2019); Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty T nhận đủ số tiền vay 1.050.000.000đồng theo khế ước nhận nợ số 01-11/2019/HĐTDTDH-PN/SHB.120800 ngày 01/02/2019;

- Ngày 04/6/2020 vay 1.228.000.000đồng (theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 14/2020/HDHM-PN/SHB.120800 ngày 04/6/2020); Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty T nhận số tiền vay 832.000.000đồng theo khế ước nhận nợ số 04-14/2020/HDHM-PN/SHB.120800 ngày 11/12/2020.

[2.2] Trong quá trình trả nợ vay, Công ty T đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng tín dụng, hợp đồng hạn mức tín dụng đã ký kết với Ngân hàng thương mại cổ phần S, chi nhánh Quảng Ngãi. Mặc dù Ngân hàng đã thực hiện nhiều biện pháp để yêu cầu Công ty T thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng Công ty T vẫn không thực hiện. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/8/2023), Công ty T còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần S tổng số tiền là 2.395.954.203đồng, cụ thể:

- Tổng số nợ theo hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 61/2017/HĐTDTDH-PN/SHB.120800 ngày 27/11/2017 là 539.487.575đồng, trong đó: Nợ gốc là 397.189.160đồng, nợ lãi trong hạn là 107.445.240đồng, nợ lãi quá hạn là 34.853.175đồng;

- Tổng số nợ theo hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 11/2019/HĐTDTDH-PN/SHB.120800 ngày 31/01/2019 là 879.020.082đồng, trong đó: Nợ gốc là 634.000.000đồng, nợ lãi trong hạn là 191.048.355đồng, nợ lãi quá hạn là 53.971.727đồng;

- Tổng số nợ theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 14/2020/HDHM-PN/SHB.120800 ngày 04/6/2020 là 977.446.546đồng, trong đó: Nợ gốc là 704.000.000đồng, nợ lãi trong hạn là 184.763.332đồng, nợ lãi quá hạn là 88.683.214đồng.

[2.3] Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/5/2023, ông Nguyễn Anh T, là người đại diện theo pháp luật của Công ty T trình bày đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S. Do đó, Ngân hàng thương

mại cổ phần S khởi kiện yêu cầu Công ty T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ nêu trên là có căn cứ, phù hợp với những nội dung các bên đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp và phù hợp với quy định tại các điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Đối với tài sản thế chấp:

[2.4.1] Để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty T tại Ngân hàng thương mại cổ phần S, chi nhánh Quảng Ngãi thì Công ty T và Phạm Thanh M, bà Nguyễn Thị Bích H đã thế chấp cho Ngân hàng thương mại cổ phần S các tài sản sau:

- 02 xe ô tô tải tự đổ, gồm: 01 xe ô tô nhãn hiệu Shacman, số khung HM41FX019334, số máy 21615E034462, xuất xứ Trung Quốc, biển kiểm soát 76C-105.77 và 01 xe ô tô nhãn hiệu Shacman, số khung HM46FX018678, số máy 21615E034460, xuất xứ Trung Quốc, biển kiểm soát 76C-105.20 (theo hợp đồng thế chấp tài sản số 69/2017/HĐTC-PN/SHB.120800 ngày 27/11/2017 giữa Công ty T và Ngân hàng thương mại cổ phần S, chi nhánh Quảng Ngãi).

- 02 xe ô tô tải tự đổ, gồm: 01 xe ô tô nhãn hiệu Shacman, số khung HM49FX015371, số máy 21615C023596, xuất xứ Trung Quốc, biển kiểm soát 76C-110.88 và 01 xe ô tô nhãn hiệu Shacman, số khung HM46FX036727, số máy 21615S057318, xuất xứ Trung Quốc, biển kiểm soát 76C-109.54 (theo hợp đồng thế chấp tài sản số 11/2019/HĐTC-PN/SHB.120800 ngày 31/01/2019 giữa Công ty T và Ngân hàng thương mại cổ phần S, chi nhánh Quảng Ngãi).

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 39, tờ bản đồ 26, diện tích 197.2m², địa chỉ: Xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ175781 (Số vào sổ cấp GCN: CS13486) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 01/04/2019 cho ông Phạm Thanh M và bà Nguyễn Thị Bích H (theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 68/2019/HĐTC-BTB/SHB.120800 ngày 17/07/2019 giữa ông Phạm Thanh M, bà Nguyễn Thị Bích H và Ngân hàng thương mại cổ phần S, chi nhánh Quảng Ngãi).

[2.4.2] Về nghĩa vụ bảo đảm:

- Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 69/2017/HĐTC-PN/SHB.120800 ngày 27/11/2017 giữa Công ty T và Ngân hàng thương mại cổ phần S, chi nhánh Quảng Ngãi thể hiện: Công ty T thế chấp cho Ngân hàng thương mại cổ phần S, chi nhánh Quảng Ngãi 02 xe ô tô tải tự đổ, gồm: 01 xe ô tô nhãn hiệu Shacman, biển kiểm soát 76C-105.77 và 01 xe ô tô nhãn hiệu Shacman, biển kiểm soát 76C-105.20 là để đảm bảo cho hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 61/2017/HĐTDTDH-PN/SHB.120800 ngày 27/11/2017 và các hợp đồng cấp

tín dụng khác được ký kết giữa Công ty T và Ngân hàng thương mại cổ phần S, chi nhánh Quảng Ngãi. Như vậy, tài sản thế chấp là 02 xe ô tô tải tự đổ nêu trên là để đảm bảo cho nghĩa vụ của hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 61/2017/HĐTDTDH-PN/SHB.120800 ngày 27/11/2017, hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 11/2019/HĐTDTDH-PN/SHB.120800 ngày 31/01/2019 và hợp đồng hạn mức tín dụng số 14/2020/HDHM-PN/SHB.120800 ngày 04/6/2020.

- Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 11/2019/HĐTC-PN/SHB.120800 ngày 31/01/2019 giữa Công ty T và Ngân hàng thương mại cổ phần S, chi nhánh Quảng Ngãi thể hiện: Công ty T thế chấp cho Ngân hàng thương mại cổ phần S, chi nhánh Quảng Ngãi 02 xe ô tô tải tự đổ, gồm: 01 xe ô tô nhãn hiệu Shacman, biển kiểm soát 76C-110.88 và 01 xe ô tô nhãn hiệu Shacman, biển kiểm soát 76C-109.54 là để đảm bảo cho hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 11/2019/HĐTDTDH-PN/SHB.120800 ngày 31/01/2019 và các hợp đồng cấp tín dụng khác được ký kết giữa Công ty T và Ngân hàng thương mại cổ phần S, chi nhánh Quảng Ngãi trong khoảng thời gian từ ngày 31/01/2019 đến ngày 31/01/2043. Ngoài ra, tại khoản 3.4 Điều 3 của hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 61/2017/HĐTDTDH-PN/SHB.120800 ngày 27/11/2017 giữa Công ty T và Ngân hàng thương mại cổ phần S, chi nhánh Quảng Ngãi thỏa thuận: *“Trường hợp bên B ký kết/thực hiện các biện pháp bảo đảm khác với bên A trước hoặc sau thời điểm ký hợp đồng này thì biện pháp bảo đảm đó cũng được bảo đảm cho các nghĩa vụ của bên B đối với bên A theo thỏa thuận tại hợp đồng này, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác”*. Như vậy, tài sản thế chấp là 02 xe ô tô tải tự đổ nêu trên cũng để đảm bảo cho nghĩa vụ của hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 61/2017/HĐTDTDH-PN/SHB.120800 ngày 27/11/2017, hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 11/2019/HĐTDTDH-PN/SHB.120800 ngày 31/01/2019 và hợp đồng hạn mức tín dụng số 14/2020/HDHM-PN/SHB.120800 ngày 04/6/2020.

- Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 68/2019/HĐTC-BTB/SHB.120800 ngày 17/07/2019 và phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số PL01-68/2019/HĐTC-BTB/SHB.120800 ngày 04/6/2020 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S, chi nhánh Quảng Ngãi và ông Phạm Thanh M và bà Nguyễn Thị Bích H thể hiện: Ông Phạm Thanh M và bà Nguyễn Thị Bích H thế chấp cho Ngân hàng thương mại cổ phần S, chi nhánh Quảng Ngãi quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, thuộc thửa đất số 39, tờ bản đồ 26, diện tích 197.2m², tại xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi là để đảm bảo cho toàn bộ nghĩa vụ thanh toán và trả toàn bộ các khoản nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí,... của Công ty T đối với Ngân hàng thương mại cổ phần S phát sinh theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 24/2019/HDHM-PN/SHB.120800 ngày 18/4/2019, hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 14/2020/HDHM-PN/SHB.120800 ngày 04/06/2020 và các hợp đồng cấp tín dụng khác được ký kết giữa Công ty T và Ngân hàng thương mại cổ phần S, chi nhánh Quảng Ngãi

trong khoảng thời gian từ ngày 17/7/2019 đến ngày 15/01/2044. Ngoài các thỏa thuận nêu trên thì giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S và ông Phạm Thanh M và bà Nguyễn Thị Bích H không có thỏa thuận nào khác liên quan đến tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, thuộc thửa đất số 39, tờ bản đồ 26, tại xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, tài sản thế chấp nêu trên chỉ thế chấp để đảm bảo cho nghĩa vụ của hợp đồng hạn mức tín dụng số 14/2020/HDHM-PN/SHB.120800 ngày 04/6/2020, không đảm bảo cho nghĩa vụ của hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 61/2017/HĐTDTDH-PN/SHB.120800 ngày 27/11/2017 và hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 11/2019/HĐTDTDH-PN/SHB.120800 ngày 31/01/2019.

[2.4.3] Các hợp đồng thế chấp nêu trên đã được công chứng hợp pháp và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật nên đã phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba tại thời điểm đăng ký. Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/5/2023, người đại diện theo pháp luật của Công ty T khai *“xe ô tô nhãn hiệu Shacman, biển kiểm soát 76C-105.77 thì Ngân hàng và Công ty đã thỏa thuận xử lý xong và Công ty T đã nộp tiền cho Ngân hàng”*. Lời khai này của người đại diện theo pháp luật của Công ty T không được nguyên đơn thừa nhận. Tòa án đã thông báo yêu cầu Công ty T có văn bản trình bày Công ty cổ phần T đã bán xe ô tô nhãn hiệu Shacman, biển kiểm soát 76C-105.77 cho ai, bán khi nào, giá bao nhiêu; cung cấp hợp đồng mua bán xe ô tô nhãn hiệu Shacman, biển kiểm soát 76C-105.77 giữa Công ty T với người đã mua xe ô tô trên; cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S và Công ty T thỏa thuận xử lý đối với xe ô tô nhãn hiệu Shacman, biển kiểm soát 76C-105.77, nhưng Công ty T không có văn bản trả lời, cũng như không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án. Do đó, không có căn cứ cho rằng giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S và Công ty T đã thỏa thuận xử lý đối với xe ô tô nhãn hiệu Shacman, biển kiểm soát 76C-105.77.

[2.5] Tại Điều 5 của hợp đồng thế chấp tài sản số 69/2017/HĐTC-PN/SHB.120800 ngày 27/11/2017, hợp đồng thế chấp tài sản số 11/2019/HĐTC-PN/SHB.120800 ngày 31/01/2019 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 68/2019/HĐTC-BTB/SHB.120800 ngày 17/07/2019, các bên thỏa thuận: Ngân hàng thương mại cổ phần S có quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ khi đến hạn thực hiện nghĩa vụ mà Công ty T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ được bảo đảm theo thỏa thuận tại bất kỳ hợp đồng cấp tín dụng nào đã ký kết với Ngân hàng thương mại cổ phần S. Do đó, trường hợp Công ty T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần S có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo những nội dung các bên đã thỏa thuận tại hợp đồng thế chấp tài sản số 69/2017/HĐTC-PN/SHB.120800 ngày 27/11/2017, hợp đồng thế chấp tài sản số 11/2019/HĐTC-PN/SHB.120800 ngày 31/01/2019, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 68/2019/HĐTC-BTB/SHB.120800 ngày 17/07/2019 và

phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số PL01-68/2019/HĐTC-BTB/SHB.120800 ngày 04/6/2020.

[3] Về chi phí tố tụng:

Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên Công ty Cổ phần đầu tư phát triển T phải chịu 7.000.000đồng (bảy triệu đồng) chi phí tố tụng (gồm: 3.000.000đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và 4.000.000đồng chi phí đo đạc). Ngân hàng thương mại cổ phần S đã nộp 7.000.000đồng tạm ứng chi phí tố tụng và đã chi xong nên Công ty Cổ phần đầu tư phát triển T phải có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền trên.

[4] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận với tổng số tiền là 2.395.954.203đồng nên Công ty Cổ phần đầu tư phát triển T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là: 72.000.000đồng + (395.954.203đồng x 2%) = 79.919.000đồng.

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 36.918.000đồng.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các điều 144, 147, 157, 158, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 463, 466, 293, 295, 296, 297, 298, 299, 307, 317, 318, 319, 320 và 323 của Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S.

2. Buộc Công ty Cổ phần đầu tư phát triển T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/8/2023) là 2.395.954.203đồng, cụ thể:

- Tổng số nợ theo hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 61/2017/HĐTDTDH-PN/SHB.120800 ngày 27/11/2017 là 539.487.575đồng, trong đó: Nợ gốc là 397.189.160đồng, nợ lãi trong hạn là 107.445.240đồng, nợ lãi quá hạn là 34.853.175đồng;

- Tổng số nợ theo hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 11/2019/HĐTDTDH-PN/SHB.120800 ngày 31/01/2019 là 879.020.082đồng, trong đó: Nợ gốc là 634.000.000đồng, nợ lãi trong hạn là 191.048.355đồng, nợ lãi quá hạn là 53.971.727đồng;

- Tổng số nợ theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 14/2020/HDHM-PN/SHB.120800 ngày 04/6/2020 là 977.446.546đồng, trong đó: Nợ gốc là 704.000.000đồng, nợ lãi trong hạn là 184.763.332đồng, nợ lãi quá hạn là 88.683.214đồng.

3. Kể từ ngày 30/8/2023 cho đến khi thi hành án xong, Công ty Cổ phần đầu tư phát triển T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 61/2017/HĐTDTDH-PN/SHB.120800 ngày 27/11/2017, hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 11/2019/HĐTDTDH-PN/SHB.120800 ngày 31/01/2019 và hợp đồng hạn mức tín dụng số 14/2020/HDHM-PN/SHB.120800 ngày 04/6/2020.

4. Trường hợp Công ty Cổ phần đầu tư phát triển T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 61/2017/HĐTDTDH-PN/SHB.120800 ngày 27/11/2017; hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 11/2019/HĐTDTDH-PN/SHB.120800 ngày 31/01/2019 và hợp đồng hạn mức tín dụng số 14/2020/HDHM-PN/SHB.120800 ngày 04/6/2020 thì Ngân hàng thương mại cổ phần S có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần S, gồm:

- 01 xe ô tô nhãn hiệu Shacman, số khung HM41FX019334, số máy 21615E034462, xuất xứ Trung Quốc, biển kiểm soát 76C-105.77 và 01 xe ô tô nhãn hiệu Shacman, số khung HM46FX018678, số máy 21615E034460, xuất xứ Trung Quốc, biển kiểm soát 76C-105.20 (theo hợp đồng thế chấp tài sản số 69/2017/HĐTC-PN/SHB.120800 ngày 27/11/2017 giữa Công ty T và Ngân hàng thương mại cổ phần S, chi nhánh Quảng Ngãi);

- 01 xe ô tô nhãn hiệu Shacman, số khung HM49FX015371, số máy 21615C023596, xuất xứ Trung Quốc, biển kiểm soát 76C-110.88 và 01 xe ô tô nhãn hiệu Shacman, số khung HM46FX036727, số máy 21615S057318, xuất xứ Trung Quốc, biển kiểm soát 76C-109.54 (theo hợp đồng thế chấp tài sản số 11/2019/HĐTC-PN/SHB.120800 ngày 31/01/2019 giữa Công ty T và Ngân hàng thương mại cổ phần S, chi nhánh Quảng Ngãi).

5. Trường hợp Công ty Cổ phần đầu tư phát triển T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 14/2020/HDHM-PN/SHB.120800 ngày 04/6/2020 thì Ngân hàng thương mại cổ phần S có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần S, gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (một số bụi chuối), thuộc thửa đất số 39, tờ bản đồ 26, tại xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ175781 (Số vào sổ cấp GCN: CS13486) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 01/04/2019 cho ông Phạm Thanh M (theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 68/2019/HĐTC-BTB/SHB.120800 ngày 17/07/2019 giữa ông Phạm Thanh M, bà Nguyễn Thị Bích H và Ngân hàng thương mại cổ phần S, chi nhánh Quảng Ngãi).

6. Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Công ty Cổ phần đầu tư phát triển T phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần S cho đến khi trả xong các khoản nợ. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp còn thừa thì Ngân hàng thương mại cổ phần S phải trả lại cho bên thế chấp, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

7. Về chi phí tố tụng:

Công ty Cổ phần đầu tư phát triển T phải chịu 7.000.000đồng chi phí tố tụng. Ngân hàng thương mại cổ phần S đã nộp 7.000.000đồng tạm ứng chi phí tố tụng và đã chi xong nên Công ty Cổ phần đầu tư phát triển T phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 7.000.000đồng.

8. Về án phí:

Công ty Cổ phần đầu tư phát triển T phải chịu 79.919.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 36.918.000đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005536 ngày 21/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

9. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

10. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- Chi Cục THADS thị xã Đức Phổ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Phong